Người ký: Sở Tư pháp
Email: sotuphap@phutho.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Thời gian ký: 17.11.2023 10:48:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2023/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 16 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính Phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, GT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 16-11-2023 15:49:29 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Quyết định số 24 /2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đấu nối đường nhánh vào đường địa phương; bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác; thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường chuyên dùng) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Những nội dung không được đề cập tại Quy định này, thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng thực hiện

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường, công trình đường bộ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn quản lý (trừ các tuyến đường, công trình đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ

thống đường xã trên địa bàn quản lý và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao quản lý.

4. Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng có trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường chuyên dùng.

Chương II
SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); Chương II Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT); khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).

Điều 5. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương

Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 117/2021/NĐ-CP); Điều 10, Điều 11 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT) và Quy định này.

Điều 6. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương

Việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và đường chuyên dùng

1. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường chuyên dùng do mình quản lý.

2. Việc chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại các khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

3. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu mà chủ công trình thiết yếu chưa được cấp phép thi công thì phải thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận. Việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

Điều 8. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và đường chuyên dùng

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường chuyên dùng do mình quản lý.

2. Việc cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT).

3. Cơ quan cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu có trách nhiệm kiểm tra, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu

Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu có trách nhiệm thực hiện quản lý, bảo trì công trình trình thiết yếu theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Điều 10. Chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và đường chuyên dùng

1. Nguyên tắc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường chuyên dùng do mình quản lý.

3. Việc chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện như đối với công trình thiết yếu quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

Điều 11. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đối với hệ thống đường địa phương

1. Các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đối với các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đối với các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này và hệ thống đường xã trong phạm vi của địa phương quản lý.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đối với đường chuyên dùng do mình quản lý.

2. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư; dự án trên các tuyến đường mà cơ quan quản lý tuyến đường đồng thời là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan quản lý có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để được xem xét, chấp thuận.

3. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để được cấp giấy phép thi công. Việc cấp giấy phép thi công thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác đối với hệ thống đường địa phương

Việc bảo đảm giao thông và an toàn giao thông trước và trong khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác đối với hệ thống đường địa phương tuân theo các quy định tại Chương VI Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương III
ĐẤU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Điều 13. Quy định chung về đấu nối

1. Đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã;

b) Đường chuyên dùng;

c) Đường gom;

d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đường nhánh đấu nối vào đường huyện, đường đô thị bao gồm:

a) Đường xã.

b) Đường chuyên dùng;

c) Đường gom;

d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nguyên tắc đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện

a) Vị trí điểm đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

b) Đường nhánh đấu nối vào đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện nằm trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Không đấu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của cầu, hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ;

d) Không đấu nối, sử dụng chung nút giao đường sắt với đường bộ.

4. Yêu cầu đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện

a) Có đủ quỹ đất để thiết kế, xây dựng đảm bảo các yếu tố hình học tại vị trí nút giao đấu nối, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khác của nút giao theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô hiện hành.

b) Đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông, tổ chức giao thông phù hợp với điều kiện thực tế tại vị trí đấu nối và phải đảm bảo việc thoát nước tại khu vực nút giao đấu nối.

c) Không đấu nối vào bụng đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu thông thường theo cấp đường quy hoạch; lưng đường cong có bố trí siêu cao; trong đoạn đường dốc có độ dốc dọc lớn hơn độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường đang khai thác; trong khu vực địa hình không bảo đảm tầm nhìn lái xe.

5. Trường hợp sử dụng chung điểm đấu nối, chỉ thực hiện cho một công trình, dự án cùng phía tiếp giáp trực tiếp với đường nhánh của nút giao điểm đấu nối hiện hữu, không làm phát sinh điểm đấu nối mới. Đồng thời, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung điểm đấu nối phải thực hiện cải tạo nút giao sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Quy định này.

6. Đối với các thửa đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lối ra, vào trực tiếp đường tỉnh, đường huyện trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì giữ nguyên hiện trạng đến khi xây dựng được đường gom.

Điều 14. Đấu nối vào đường tỉnh

1. Đối với các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư đã có nội dung về điểm đấu nối thì chủ đầu tư lập, gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Quy định này đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét, chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí điểm đấu nối.

3. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng điểm đấu nối, căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường tỉnh, lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công nút giao đấu nối theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

Trường hợp các nút giao thuộc dự án đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế thì không phải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối, nhưng phải thực hiện cấp phép thi công xây dựng.

Điều 15. Đấu nối vào đường huyện, đường đô thị

1. Đối với các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy

ban nhân dân cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư đã có nội dung về điểm đấu nối thì chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Quy định này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xem xét chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối đường nhánh vào đường huyện, đường đô thị gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xem xét, phê duyệt vị trí điểm đấu nối.

3. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng điểm đấu nối, căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường huyện, đường đô thị, lập và gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công nút giao đấu nối theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

Trường hợp các điểm đấu nối thuộc dự án đầu tư đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công hoặc đã được phòng chuyên môn của huyện thẩm định thì không phải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối, nhưng phải thực hiện cấp phép thi công xây dựng.

Điều 16. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện

1. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào hệ thống đường chuyên dùng do mình quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Việc gia hạn thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

Điều 17. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện

1. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối

a) Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối vào các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối vào các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối vào hệ thống đường chuyên dùng do mình quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao; trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sử dụng nút giao đấu nối chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải bảo đảm an toàn giao thông và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 18. Đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường bộ đang khai thác đối với đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, điều kiện kỹ thuật của thiết bị hoặc các trường hợp đặc biệt khác, cho phép mở điểm đấu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc.

2. Thời hạn sử dụng điểm đấu nối tạm thời không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đấu nối tạm thời và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu. Trường hợp dự án có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này và của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường huyện, đường đô thị.

3. Hồ sơ đề nghị đấu nối tạm thời, trình tự, cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 28 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường bộ đang khai thác đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Quy định này.

CHƯƠNG IV
THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 19. Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông

Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 21. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ

Các căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông, trình tự, nội dung, báo cáo, danh mục nội dung xem xét thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

CHƯƠNG V
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý các tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch giải tỏa, xử lý các vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý; xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí quản lý bảo trì đường bộ, giải tỏa hành lang đường bộ, phòng chống khắc phục thiên tai, bão lũ xảy ra trên hệ thống đường được giao quản lý.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Tổng hợp, cập nhật và công bố danh mục các điểm đấu nối trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng/lần.

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Công an tỉnh: Chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổ chức thẩm định các dự án, quy hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Căn cứ nguồn lực ngân sách địa phương, hằng năm phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương theo quy định; thực hiện kiểm tra việc sử dụng ngân sách, quyết toán kinh phí theo đúng nội dung, mục đích và quy định của pháp luật.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc quản lý, bảo vệ hành lang chồng lấn giữa công trình giao thông với công trình đê điều, thuỷ lợi; khi đầu tư xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quy định này.

5. Sở Xây dựng: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ đầu tư trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về nội dung đấu nối với các tuyến đường giao thông, xây dựng đường gom, hệ thống thoát nước, các công trình thiết yếu, các quy hoạch, các dự án xây dựng liên quan đến phạm vi đất dành cho đường bộ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Sở Công Thương: Phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện hướng dẫn việc xây dựng các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực công thương (công trình

điện, cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu, trạm nạp khí và các công trình trong lĩnh vực công thương khác) dọc theo đường bộ đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong quá trình thẩm định hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và các nhiệm vụ khác được giao.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy định này khi xây dựng công trình thông tin, truyền thông. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng tham gia ý kiến đối với quy hoạch, dự án giao thông, xây dựng về nội dung hạ tầng thông tin và truyền thông.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Khi thực hiện quy hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng dọc hai bên đường bộ phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giới hạn hành lang an toàn đường bộ.

2. Khi quy hoạch cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu giao đất ở, bán đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và các dự án khác ven các trục đường giao thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc chủ đầu tư phải xây dựng hệ thống đường gom (nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ) và trình cấp có thẩm quyền chấp thuận điểm đấu nối, không mở mới các điểm đấu trực tiếp từ nhà dân vào đường tỉnh, đường huyện. Đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện làm đường gom (nằm trong khu vực núi cao, vực sâu, sông, suối, đường sắt, khu vực có các chướng ngại vật không thể di dời, khu vực xen ghép giữa hai khu dân cư) khi thực hiện phải có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền (đối với đường tỉnh phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải; đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận trên cơ sở đề xuất của phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này; đảm bảo kinh phí bảo trì và đầu tư xây dựng các công trình được giao quản lý.

4. Chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ, công trình đường bộ theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ; huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khắc phục thiên tai, bão lũ xảy

ra trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân nâng cao ý thức thực hiện tốt các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.

7. Chịu trách nhiệm quản lý hành chính trong việc sử dụng hè phố, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trên địa bàn; có biện pháp chống lấn chiếm hè phố, lòng đường, bảo đảm an toàn giao thông.

8. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, số liệu và năng lực mới tăng thêm hệ thống cầu, đường địa phương gửi về Sở Giao thông vận tải định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 6 hằng năm).

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này; đảm bảo kinh phí bảo trì và đầu tư xây dựng các công trình được giao quản lý; quản lý việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân nâng cao ý thức thực hiện tốt các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

3. Chấp hành sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp trên và hướng dẫn của các ngành chức năng về công tác bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ; phối hợp với các địa phương khác và các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết vi phạm xảy ra tại các địa bàn giáp ranh; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ, Thanh tra đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ bao gồm cả việc tiếp nhận, giữ gìn các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Bố trí lực lượng tuần đường thực hiện tuần tra, kiểm tra để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, bảo đảm giao thông thông suốt. Phối hợp với cơ quan chức năng

và chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

3. Thường xuyên tuần tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, sử dụng trái phép đất của đường bộ; phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm, nếu cần thiết, phải thực hiện các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời để xử lý.

4. Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ; báo cáo cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

5. Kiểm tra, giám sát, tham gia nghiệm thu công tác thi công hoàn trả hạng mục công trình đường bộ của chủ đầu tư công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường bộ và tham gia nghiệm thu nút giao đấu nối xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.